

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 17.12.2022

ĐỐI TƯỢNG CUNG KÍNH CỦA THIÊN ĐẾ
Kinh Lễ Bái Hàng Tại Gia Cư Sĩ
(Gahaṭṭhavandanāsuttam)

CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA - PHẨM THỨ HAI (S. i, 234)

Người Việt có câu “làm trời” chỉ cho thái độ trịch thượng của người mục hạ vô nhân. Bài kinh này nói lên một hình ảnh hoàn toàn trái ngược: Vua Trời luôn sống sống lòng cung kính khiêm hạ. Hơn thế nữa, lòng cung kính của Thiên chủ không phải chỉ có đối với hàng xuất gia nhất tâm hướng cầu giác ngộ giải thoát mà còn đối với hàng tại gia cư sĩ đức hạnh, chu toàn bốn phận. Ở đây đối tượng của lòng cung kính không nằm ở danh phận mà ở đức tánh đặc thù.



Kinh Văn

Sāvattiyam. Tatra...pe... etadavoca – “bhūtapubbam, bhikkhave, sakko devānamindo mātaliṃ saṅgāhakam āmantesi – ‘yojehi, samma mātali, saḥassayuttam ājaññaratham. Uyyānabhūmiṃ gacchāma subhūmiṃ dassanāyā’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti

Tại Jetavana (Kỳ Viên), Sāvatti (Xá Vệ).

Ở đây Đức Thế Tôn nói:

-- Nay các Tỷ khưu, thở trước Thiên chủ Sakka nói với người đánh xe như sau:

" - Nay Mātali thân mến, hãy thắt ngàn tuấn mã vào cỗ xe. Chúng ta đi đến thượng uyển để ngắm cảnh".

" -- Thừa vâng, Thiên chủ".

kho, bhikkhave, mātali saṅgāhako sakkassa devānamindassa paṭissutvā saḥassayuttaṃ ājaññarathaṃ yojetvā sakkassa devānamindassa paṭivedesi – ‘yutto kho te, mārīsa, saḥassayutto ājaññaratho. Yassa dāni kālaṃ maññasi’”ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo vejayantapāsādā orohanto añjaliṃ katvā sudam puthuddisā namassati. Atha kho, bhikkhave, mātali saṅgāhako sakkaṃ devānamindaṃ gāthāya ajjhabhāsi –

Này các Tỷ khưu, người đánh xe Mātali trả lời Thiên chủ Sakka; sau khi hãy thắng ngàn tuấn mã vào cỗ xe, liền báo với Thiên chủ Sakka:

" -- Thưa Ngài, thiên xa đã sẵn sàng. Ngài có thể tùy nghi!"

Này các Tỷ khưu, Thiên chủ Sakka từ cung điện Vejayanta đi xuống, chấp tay đánh lễ các phương hướng.

Này các Tỷ khưu, bảy giờ người đánh xe Mātali nói với Thiên chủ Sakka bằng kệ ngôn:

**“Tam namassanti tevijjā, sabbe bhumma ca khattiyā;
Cattāro ca mahārājā, tidasā ca yasassino;
Atha ko nāma so yakkho, yaṃ tvam sakka namassasi’”ti.**

“Tất cả người lễ Ngài
Gồm những hàng trí thức,
Vua chúa trên quả đất,
Và Tứ Đại Thiên Vương
Tam thập thiên chói sáng
Vây bực oai đức nào
Ngài lễ, hỡi Thiên chủ?

(Thiên chủ Sakka):

**“Maṃ namassanti tevijjā, sabbe bhumma ca khattiyā;
Cattāro ca mahārājā, tidasā ca yasassino.**

**“Ahañca sīlasampanne, cirarattasamāhite;
Sammāpabbajite vande, brahmacariyaparāyane.**

**“Ye gahaṭṭhā puññakarā, sīlavanto upāsakā;
Dhammena dāraṃ posenti, te namassāmi mātali’”ti.**

“Tất cả người lễ ta
Gồm những hàng trí thức,
Vua chúa trên quả đất,
Và Tứ Đại Thiên Vương,
Tam thập thiên chói sáng.

“Ta lễ bậc giới hạnh
Tu thiên định miên mật
Bậc xuất gia chơn chánh
Cầu phạm hạnh viên mãn.

“Này hỡi Mātali
Và ta cũng đánh lễ
Hàng cư sĩ tại gia
Tạo phước, sống có giới,
Biết chăm sóc hôn phối
Chu toàn đúng thiện pháp.

(Mātali):

**“Setṭhā hi kira lokasmiṃ, ye tvaṃ sakka namassasi;
Ahampi te namassāmi, ye namassasi vāsavā”ti.**

“Những người Ngài đánh lễ
Thật cao quý trong đời
Tôi cũng xin kính lễ
Những người Ngài kính lễ
Thưa Ngài Vāsava!

(Đức Thế Tôn):

**“Idaṃ vatvāna maghavā, devarājā sujampati;
Puthuddisā namassitvā, pamukho rathamāruhi”ti.**

“Thiên chủ Maghavā
Phu quân của Sujā
Đã bái vọng bốn phương
Và sau khi giải thích
Ngự giá lên thiên xa.



Thích văn

Taṃ namassanti tevijjā = những bậc trí thức đánh lễ Ngài (xem thêm thích nghĩa)
sabbe bhummā ca khattiyā = tất cả sát đế lỵ trên quả đất
Cattāro ca mahārājā = tứ đại thiên vương
tidasā ca yasassino = quần tiên chói sáng ở cõi đạo lợi
Atha ko nāma so yakkho yaṃ tvam sakka namassasi’ti = Ai là nhân vật uy lực mà Ngài, Sakka, lễ bái?

Maṃ namassanti tevijjā = những bậc trí thức đánh lễ ta
sabbe bhummā ca khattiyā = tất cả sát đế lỵ trên quả đất
Cattāro ca mahārājā = tứ đại thiên vương
tidasā ca yasassino = quần tiên chói sáng ở cõi đạo lợi

Ahañca sīlasampanne = ta đánh lễ bậc đầy đủ giới (chủ từ và động từ trong kệ ngôn cần được hoán vị)
cirarattasamāhite = tu thiền định miên mật
Sammāpabbajite vande = bậc xuất gia chơn chánh
Brahmacariyaparāyane = hướng cầu phạm hạnh thanh tịnh

“Ye gahaṭṭhā puññakarā = đối với những cư sĩ tạo phước
sīlavanto upāsakā = hạng tại gia có giới hạnh
Dhammena dāraṃ posenti = đầy đủ bổn phận theo lẽ đạo với người hôn phối
te namassāmi mātali’ti = ta cũng đánh lễ những vị ấy, hỡi Mātali

“Setṭhā hi kira lokasmiṃ ye tvam sakka namassasi = những người Ngài đánh lễ quả thật cao quý thừa Thiên chủ
Ahampi te namassāmi, ye namassasi vāsavā’ti = Ngài đánh lễ người nào tôi cũng đánh lễ người ấy, thừa Vāsava.

“Idaṃ vatvāna maghavā, devarājā sujampati = Thiên vương Maghavā phu quân của Sujā sau khi giải thích như vậy
Puthuddisā namassitvā = đã đánh lễ các phương hướng
pamukho rathamāruhi’ti = Thiên chủ leo lên thiên xa



Thích nghĩa

Thành ngữ Yassa dāni kālaṃ maññasi tùy theo ngữ cảnh có thể dịch là “hãy làm những gì hợp thời”, “hãy làm những gì thích hợp”, “hãy tùy nghi”.

Chữ tevijjā có ba ý nghĩa: A. Người am hiểu chuyện đạo, chuyện đời, thế giới tự nhiên nên có thể dịch là hàng trí thức. B. Người tinh thông Tam Phệ Đà của bà la môn giáo. C. Bậc chứng tam minh trong Phật Pháp (chứng túc mạng minh, sanh tử minh, lậu tận minh). Trong bài kinh này chỉ cho ý nghĩa những bậc trí thức.

Cụm từ tidasā ca yasassino – 30 vị quần tiên chói sáng – là cách nói lấy tròn của con số 33 vị chỉ cho 33 đại tiên cõi Đạo Lợi. Nên hiểu là 32 vị đại tiên cũng đánh lễ Thiên chủ Đế Thích. Thay vì điều chỉnh con số 33 (tam thập tam) thành 32 (trừ Thiên chủ) nên nói gọn là là 30.

Chữ yakkha ở đây không nên hiểu là “dạ xoa” trong ý nghĩa thông thường mà chỉ cho những loài hoá sanh có đại thần lực.

Chữ Brahmacariyaparāyane được Thanh Tịnh Đạo giải thích là “những bậc sống phạm hạnh hướng cầu cứu cánh niết bàn (brahmacariyamvussati nibbānaparāyaṇaṃ (V 218,21)

Chữ gahaṭṭha thường được dịch là gia chủ là người chủ gia đình. Cũng có nghĩa là hàng tại gia, cư sĩ. Ở đây nên hiểu là hàng cư sĩ đối nghĩa với hàng xuất gia.

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

8. Gahaṭṭhavandanāsuttaṃ [Mūla]

264. Sāvatthiyaṃ. Tatra...pe... etadavoca – “bhūtapubbaṃ, bhikkhave, sakko devānamindo mātaliṃ saṅgāhakaṃ āmantesi – ‘yojehi, samma mātali, saḥassayuttaṃ ājaññarathaṃ. Uyyānabhūmiṃ gacchāma subhūmiṃ dassanāyā’ti. ‘Evaṃ bhaddantavā’ti kho, bhikkhave, mātali saṅgāhako sakkassa devānamindassa paṭissutvā saḥassayuttaṃ ājaññarathaṃ yojetvā sakkassa devānamindassa paṭivedesi – ‘yutto kho te, mārisa, saḥsayutto ājaññaratho. Yassa dāni kālaṃ maññasī’”ti. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo vejayantapāsādā orohanto añjaliṃ katvā

[pañjaliko (pī.), pañjalim katvā (ka.)] sudam puthuddisā namassati. Atha kho, bhikkhave, mātali saṅgāhako sakkam devānamindam gāthāya ajjhabhāsi –

“Tam namassanti tevijjā, sabbe bhum mā ca khattiyā;
Cattāro ca mahārājā, tidasā ca yasassino;
Atha ko nāma so yakkho, yaṃ tvam sakka namassasi”ti.

“Maṃ namassanti tevijjā, sabbe bhum mā ca khattiyā;
Cattāro ca mahārājā, tidasā ca yasassino.

“Ahañca sīlasampanne, cirarattasamāhite;
Sammāpabbajite vande, brahmacariyaparāyane.

“Ye gahaṭṭhā puññakarā, sīlavanto upāsakā;
Dhammena dāraṃ posenti, te namassāmi mātali”ti.

“Seṭṭhā hi kira lokasmiṃ, ye tvam sakka namassasi;
Ahampi te namassāmi, ye namassasi vāsavā”ti.

“Idam vatvāna maghavā, devarājā sujampati;
Puthuddisā namassitvā, pamukho rathamāruhī”ti.

8. Gahaṭṭhavandanāsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

264. Aṭṭhame puthuddisāti catasso disā catasso anudisā ca. **Bhum mā**ti bhūmivāsino. **Cirarattasamāhite**ti upacārappanāhi cirarattasamāhitacitte. **Vandeti** vandāmi. **Brahmacariyaparāyaṇeti** dasapi vassāni vīsatipi vassāni...pe... saṭṭhipi vassāni āpāṇakoṭīkam ekaseyyam ekabhattantiādīkam seṭṭhacariyam brahmacariyam caramāneti attho. **Puññakarā**ti catupaccayadānaṃ kusumbhasumanapūjā dīpasahassajālanti evamādipuññakārakā. **Sīlavantoti** upāsakatte patitṭhāya pañcahipi dasahipi sīlehi samannāgatā. **Dhammena dāraṃ posenti**ti umaṅgabhindanādīni akatvā dhammikehi kasigorakkhavaṇijjādīhi puttadāraṃ posenti. **Pamukho rathamāruhī**ti devānaṃ pamukho seṭṭho ratham āruhi. Aṭṭhamam.